

Bản án số: 370/2021/DS-PT

Ngày: 19/04/2021

V/v: Tranh chấp liên quan đến tài sản  
bị cưỡng chế để thi hành án.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trịnh Đắc Phú

2. Ông Nguyễn Minh Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Quỳnh Ngọc - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:  
Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Từ ngày 13 đến ngày 19/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/TLPT-DS ngày 05/01/2021 về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 322/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của tòa án nhân dân Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2655/2021/QĐPT-DS ngày 23/03/2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

1.1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

1.2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1978 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

*2. Bị đơn:*

2.1. Ông Đỗ Văn G, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 19 Đường D, phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Bạch V, sinh năm 1968. (Vắng mặt). (văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019)

Địa chỉ: đường Võ Văn K, phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 139 Đường A, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 50 Đường C, phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

3.4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1933 (Vắng mặt).

3.5. Trẻ Lê Phương Thảo L, sinh năm 2004

3.6. Trẻ Lê Hải Đ, sinh năm 2008

3.7. Trẻ Lê Bình M, sinh năm 2016

Cùng địa chỉ: Số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện hợp pháp của trẻ Linh, Đăng, Minh:* Ông Lê Văn L và bà Lê Thị T; là người đại diện theo pháp luật (trẻ L, Đ, M là con ruột của ông L và bà T)

3.8. Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Trụ sở: Số 2/267 Song hành Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1/ Nguyên đơn ông Lê Văn L, bà Lê Thị T trình bày tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Nhà và đất số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Đỗ Văn G và bà Nguyễn Thị M. Ngày 18/01/2012, ông G, bà M thế chấp nhà và đất nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu V – Chi nhánh Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Ngân hàng), để vay 1.700.000.000 đồng.

Ngày 02/6/2012, ông G, bà M ký Bản thỏa thuận về việc nhận cọc và cam kết chuyển nhượng nhà và đất số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Lê Văn L, bà Lê Thị T, với giá 2.800.000.000 đồng. Ngay sau khi ký Bản thỏa thuận này, ông L, bà T đặt cọc 100.000.000 đồng cho ông G, bà M.

Ngày 08 và ngày 11/6/2012, ông G, bà M ký Hợp đồng ủy quyền cho ông L và bà T được quyền liên hệ Ngân hàng trả tất cả các khoản nợ vay được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà và đất nêu trên để được Ngân hàng giải trừ thế chấp, được quyền liên hệ cơ quan chức năng làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp và nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của căn nhà. Sau đó, ông L, bà T được toàn quyền quyết định đối với căn nhà nêu trên. Ngay sau khi ký Hợp đồng ủy quyền, ông L, bà T đã giao tiếp cho ông G, bà M số tiền 900.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.800.000.000 đồng ông L, bà T đã nộp trực tiếp vào Ngân hàng và nhận lại toàn bộ giấy tờ nhà đất từ Ngân hàng. Cùng ngày 11/6/2012, ông G, bà M lập biên bản giao nhà đất cho ông L, bà T.

Ngày 20/6/2012, ông L, bà T đến Phòng Công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Hữu T thì không công chứng được do căn nhà đã bị Tòa án nhân dân Quận Y áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A.

Ngày 28/10/2014, Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y kê biên căn nhà để đảm bảo thi hành án theo Bản án số: 977/2014/DS-PT ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Văn G đối với bà Nguyễn Thị Kim A.

Nguyên đơn cho rằng đã mua bán hợp pháp nhà và đất nêu trên từ ông G, bà M và đã thanh toán đủ số tiền 2.800.000.000 đồng cho ông G, bà M nên việc kê biên nhà và đất để thi hành Bản án số 977/2014/DS-PT ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn G và bà Nguyễn Thị M phải hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhà và đất nêu trên cho ông L, bà T; hủy Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 05/QĐ-CCTHA ngày 07/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức). Trường hợp, ông G, bà M không chuyển nhượng được nhà và đất nêu trên cho ông L, bà T thì ông G, bà M phải trả lại 2.800.000.000 đồng cho ông L, bà T và tiền lãi tính từ ngày 11/6/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo lãi suất huy động vốn dài hạn do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu V quy định tại ngày 11/6/2012.

2/ Bị đơn ông Đỗ Văn G và bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về nguồn gốc nhà và đất số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; thời gian và nội dung Bản thỏa thuận về việc nhận cọc và cam kết chuyển nhượng nhà và đất số 4; thời gian và nội dung ủy quyền liên quan đến nhà và đất như nguyên đơn trình bày. Ông L, bà T đã giao cho ông G, bà M đủ tiền bán nhà là 2.800.000.000 đồng; ông G, bà M đã giao nhà cho ông L, bà T. Nhưng khi ông L, bà T đến Phòng Công chứng để ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho bà Nguyễn Thị Thu D thì nhà đất đã bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A. Ông G, bà M sẽ liên hệ với bà Kim A để giải quyết số nợ cho bà Kim A theo Bản án số 977/2014/DS-PT ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, ông G, bà M sẽ hoàn tất việc chuyển nhượng nhà và đất nêu trên cho ông L, bà T. Trường hợp không chuyển nhượng được thì ông G, bà M đồng ý trả lại cho nguyên đơn 2.800.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/6/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, theo lãi suất huy động vốn dài hạn do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu V quy định tại ngày 11/6/2012.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Nguyễn Thị Thu D trình bày:

Ngày 12/6/2012, bà D có làm giấy đặt cọc mua bán căn nhà số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh với ông Lê Văn L, bà Lê Thị T. Giá chuyển nhượng là 2.800.000.000 đồng, bà D đặt cọc 100.000.000 đồng. Do căn nhà đang bị thế chấp tại Ngân hàng nên bà D đã giao tiếp cho ông L, bà T số tiền 1.800.000.000 đồng để thực hiện giải chấp, lấy lại bản chính giấy tờ nhà, sau đó mới ký Hợp đồng công chứng. Nhưng khi các bên đến Phòng Công chứng để ký hợp đồng thì được biết căn nhà đã bị Tòa án nhân dân Quận Y áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A. Bà D và ông L, bà T đã gặp và thương lượng với bà Kim A nhưng không có kết quả. Hiện nay, bà D đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nêu trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà không có yêu cầu hay ý kiến gì khác. Đối với tranh chấp hợp đồng mua bán nhà giữa bà D với ông L, bà T, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi cần thì bà sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

2/ Ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị Thu D, ông thống nhất với phần trình bày của bà D. Ông không có ý kiến và yêu cầu gì đối với vụ án này.

3/ Bà Nguyễn Thị Kim A trình bày: Bà là người được thi hành án theo Bản án số 977/2014/DS-PT ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Bản án này thì bà Nguyễn Thị M, ông Đỗ Văn G có nghĩa vụ trả cho bà 2.100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán. Nhà và đất số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà M, ông G. Căn nhà này đã bị Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y kê biên để thi hành bản án trên. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4/ Bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà là mẹ của ông Lê Văn L. Bà không có ý kiến và yêu cầu gì đối với vụ án này.

5/ Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y đang thi hành Bản án số: 977/2014/DS-PT ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo nội dung bản án thì bà Nguyễn Thị M, ông Đỗ Văn G phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim A 2.100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh do chậm thi hành án. Do bà M, ông G không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án đã tiến hành kê biên thửa đất số 516, tờ bản đồ số 31, và tài sản gắn liền với đất là căn nhà số 4, Đường 9, phường Phước Bình, Quận Y, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00571 do Ủy ban nhân dân Quận Y cấp ngày 12/10/2011. Việc kê biên tài sản là đúng quy định của pháp luật. Quá trình thi hành án được biết ông Lê Văn L, bà Lê Thị T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M, ông G tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán và sang tên nhà và đất nêu trên; hủy bỏ việc kê biên tài sản của Chi cục Thi hành án nêu trên. Căn cứ Điều 48 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, Chi cục Thi hành án Quận Y đã ban hành Quyết định hoãn thi hành án kể từ ngày 27/5/2015 cho đến khi điều kiện hoãn không còn.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn rút yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 05/QĐ-CCTHA ngày 07/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y (nay là thành phố Thủ Đức). Trong trường hợp tòa tuyên hợp đồng đặt cọc vô hiệu thì bà rút lại yêu cầu đòi số tiền 2,8 tỷ.

Tại Bản án số 322/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức) đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu ông Đỗ Văn G và bà Nguyễn Thị M phải hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhà và đất số 4 Đường

X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Lê Văn L và bà Lê Thị T.

2. Tuyên bố Bản thỏa thuận về việc nhận đặt cọc và cam kết chuyển nhượng nhà và đất số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/6/2012, giữa ông Đỗ Văn G, bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L, bà Lê Thị T vô hiệu.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020, ông Lê Văn L và bà Lê Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lê Thị T không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo.

Bà Lê Thị T trình bày nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa tuyên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Văn G tiếp tục thực hiện Bản thỏa thuận về việc nhận đặt cọc và cam kết chuyển nhượng nhà và đất số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/6/2012, giữa ông Đỗ Văn G, bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L, bà Lê Thị T vì thực tế ông bà đã trả giao cho bên bán nhà 2.800.000.000 đồng, đã nhận nhà ở ổn định. Trong trường hợp bị đơn không thể tiếp tục hoàn tất thủ tục mua bán nhà thì bà yêu cầu ông G và M trả lại 2.800.000.000 đồng và phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà vì với số tiền 2.800.000.000 đồng vợ chồng bà không thể mua được như căn nhà hiện hữu.

Bị đơn ông G và bà M do bà Vân đại diện vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Kim A đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận: Các đương sự không tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Hôm nay là phiên tòa lần thứ 3, bị đơn và người liên quan vắng mặt không lý do, đề nghị xử vắng mặt. Đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông L, bà T làm trong hạn luật định.

Xét nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa bà T có yêu cầu buộc ông G và bà M phải trả lại số tiền mua nhà 2.800.000.000 đồng và bồi thường cho vợ chồng bà trong trường hợp không thể tiếp tục hoàn tất thủ tục mua bán nhà. Xét đây là

yêu cầu mới, cần giải quyết trong cùng một vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm theo khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Tòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng các đương sự vắng mặt không lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

Xét đơn kháng cáo của ông L bà T và thời hạn đóng tạm ứng án phí trong hạn luật định.

Xét nội dung đơn kháng cáo của ông L bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn nhà số 4 Đường X, phường B, Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Đỗ Văn G và bà Nguyễn Thị M. Thời điểm ký hợp đặt cọc căn nhà đang thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam để vay 1.700.000.000 đồng. Ngày 02/6/2012, ông G, bà M ký Bản thỏa thuận về việc nhận cọc và cam kết chuyển nhượng nhà và đất cho ông Lê Văn L, bà Lê Thị T, với giá 2.800.000.000 đồng. Ông G, bà M đã nhận đủ tiền, đã giao nhà cho ông L và bà T. Nay bà yêu cầu ông G bà M phải hoàn tất thủ tục sang tên công chứng nhà cho bà. Trong trường hợp hợp đồng mua bán nhà vô hiệu thì bà yêu cầu ông G bà M phải hoàn trả lại vợ chồng bà 2.800.000.000 đồng và bồi thường do lỗi của người bán gây ra.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm bà T có yêu cầu buộc ông G và bà M phải trả lại số tiền mua nhà 2.800.000.000 đồng và bồi thường cho vợ chồng bà trong trường hợp không thể tiếp tục hoàn tất thủ tục mua bán nhà. Xét bản án sơ thẩm tuyên Bản thỏa thuận về việc nhận đặt cọc và cam kết chuyển nhượng nhà đất số 4 Đường X, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/6/2012, giữa ông Đỗ Văn G, bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L, bà Lê Thị T vô hiệu nhưng chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Yêu cầu của bà T được lấy lại số tiền mua nhà 2.800.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường là yêu cầu mới sinh tại phiên tòa phúc thẩm, yêu cầu này cần xem xét giải quyết trong cùng một vụ án. Mặt khác Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y (nay là thành phố Thủ Đức) ra Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 05/QĐ-CCTHA ngày 07/10/2014, nếu không giải quyết những vấn đề liên quan khi tuyên hợp đồng đặt cọc sẽ dẫn đến bản án không thi hành được. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều

308 Bộ Luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm số 322/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của tòa án nhân dân Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn L và bà Lê Thị T. Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức) giải quyết lại theo thủ tục chung. Cấp sơ thẩm không có lỗi khi hủy bản án này.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông L, bà T không phải nộp. Hoàn lại 600.000 đồng cho ông L bà T theo biên lai thu số 0046894 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 164; Điều 166; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 470; khoản 2 Điều 119; Điều 131 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn L và bà Lê Thị T.

Hủy bản án án sơ thẩm số 322/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục chung.

Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi vụ án tiếp tục.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại 600.000 đồng cho ông Lê Văn L và bà Lê Thị T theo biên lai thu số 0046894 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.



***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 9 (nay là TP. Thủ Đức);
- Chi cục THADS Quận 9 (nay là TP. Thủ Đức);
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Nhung**

